

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ
GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ
TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012	13 - 47



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006182 ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi về ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty TNHH Một thành viên	106.813.854.300	51
Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Các cổ đông khác	102.625.075.700	49
Cộng	209.438.930.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 37 422 234
Fax : 08 37 422 234
E-mail : gnavt@saigonnewport.com.vn
Website : saigonnewport.com.vn
Mã số thuế : 0 3 0 4 8 7 5 4 4 4

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa cảng biển, cảng sông;
- Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa (trừ kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ đại lý và cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức Quốc tế;
- San lấp mặt bằng; Xây dựng, sửa chữa công trình dân dụng; Công trình thủy phục vụ cảng biển, cảng sông;
- Sửa chữa, đóng mới mua bán Container, rơ moóc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê phương tiện, thiết bị xây dựng công trình thủy - bộ; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, vận chuyển; Mua bán máy móc thiết bị phục vụ cảng biển;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định; Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh bất động sản; Đại lý kinh doanh và vận tải xăng dầu;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 47).

Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Công ty tạm chia cổ tức năm 2012 theo nghị quyết Hội đồng quản trị và tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Điều lệ Công ty, như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Chia cổ tức năm 2011 (tương ứng 18% vốn điều lệ)	37.699.007.400
Chia cổ tức năm 2011 (tương ứng 18% vốn điều lệ)	37.699.007.400
Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	6.036.982.358
Trích lập Quỹ Dự phòng tài chính	3.018.491.179
Trích lập Quỹ Khen thưởng	3.018.491.179
Trích lập Quỹ Phúc lợi	3.018.491.179
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành	500.000.000
Cộng	<u><u>90.490.470.695</u></u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Uẩn	Chủ tịch
Ông Ngô Minh Thuận	Phó Chủ tịch
Ông Lê Hoàng Linh	Ủy viên
Ông Võ Đắc Thiệu	Ủy viên
Ông Đỗ Thanh Trường	Ủy viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phùng Ngọc Minh	Trưởng ban
Ông Bùi Hải Dương	Ủy viên
Bà Phạm Kim Oanh	Ủy viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Uẩn	Giám đốc
Ông Lê Hoàng Linh	Phó Giám đốc
Ông Cao Minh Thụ	Phó Giám đốc
Ông Lê Đặng Quỳnh Nghi	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Thanh Trường	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn

Ngày 18 tháng 02 năm 2012

11/2/12 H H H H H

Số: 14/2013/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 02 năm 2013, từ trang 06 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Lê Văn Khoa

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1794/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		269.540.321.396	217.752.139.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	79.671.352.572	47.117.067.182
1. Tiền	111		5.671.352.572	7.995.858.849
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.000.000.000	39.121.208.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		65.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	65.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.316.556.265	119.626.486.907
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	92.672.852.892	111.923.019.349
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.951.157.086	2.917.374.378
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	746.034.202	4.793.893.180
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(53.487.915)	(7.800.000)
IV. Hàng tồn kho	140		25.043.497.413	25.814.001.945
1. Hàng tồn kho	141	V.7	25.043.497.413	25.814.001.945
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.508.915.146	25.194.583.533
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.670.317.283	6.764.111.593
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.008.719.238	17.204.390.677
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	829.878.625	1.226.081.263

 II
 21
 91
 M
 0
 31
 N
 1
 II

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		460.068.174.893	515.543.917.542
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		295.927.474.054	350.920.385.260
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	295.681.602.335	350.347.631.259
<i>Nguyên giá</i>	222		464.275.662.500	460.471.612.984
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(168.594.060.165)	(110.123.981.725)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	28.817.476	48.354.748
<i>Nguyên giá</i>	228		58.611.816	58.611.816
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(29.794.340)	(10.257.068)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	217.054.243	524.399.253
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		91.097.330.606	116.046.203.462
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	10.200.000.000	35.700.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	35.673.000.000	32.673.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	49.179.480.000	54.179.480.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(3.955.149.394)	(6.506.276.538)
V. Tài sản dài hạn khác	260		73.043.370.233	48.577.328.820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	73.043.370.233	48.577.328.820
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		729.608.496.289	733.296.057.109

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		359.393.858.282	341.533.981.172
I. Nợ ngắn hạn	310		188.158.208.744	135.222.609.857
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	57.166.554.391	32.842.743.461
2. Phải trả người bán	312	V.19	70.884.404.699	57.753.911.304
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	257.465.000	400.909.382
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	16.312.837.819	20.874.029.615
5. Phải trả người lao động	315		14.097.441.832	14.165.084.171
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	23.547.947.889	4.342.681.819
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	5.891.557.114	4.843.250.105
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		171.235.649.538	206.311.371.315
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	171.235.649.538	204.991.629.661
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.25	-	408.457.093
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	-	911.284.561
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		370.214.638.007	391.762.075.937
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.27	370.214.638.007	391.762.075.937
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.438.930.000	209.438.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.712.126.338	20.712.126.338
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.623.388.897	27.584.435.911
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		20.336.744.803	17.317.268.310
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		86.103.447.969	116.709.315.378
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		729.608.496.289	733.296.057.109

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		94.928.81	160.264.65
Euro (EUR)		71.27	273.34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 18 tháng 2 năm 2013

Người lập biểu

Lê Việt Hải

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	571.062.766.116	502.392.305.270
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		571.062.766.116	502.392.305.270
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	464.438.410.701	378.615.949.506
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.624.355.415	123.776.355.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.913.476.004	18.790.777.005
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.905.481.853	17.430.355.913
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.373.051.838	7.909.432.424
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.351.005.461	1.689.353.903
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	24.502.271.601	26.214.498.009
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		77.779.072.504	97.232.924.944
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.483.693.164	2.219.342.873
12. Chi phí khác	32	VI.8	34.364.111	1.343.392.174
13. Lợi nhuận khác	40		1.449.329.053	875.950.699
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		79.228.401.557	98.108.875.643
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		19.247.328.794	23.905.549.262
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(408.457.093)	(408.457.094)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>60.389.529.856</u>	<u>74.611.783.475</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-

Lập, ngày 18 tháng 2 năm 2013

Người lập biểu

Lê Việt Hải

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	79.228.401.557	98.108.875.643
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	58.489.615.712	37.343.198.470
- Các khoản dự phòng	03	(2.505.439.229)	4.988.937.558
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(100.010.035)	1.033.237.202
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.648.177.465)	(12.878.178.044)
- Chi phí lãi vay	06	17.373.051.838	7.909.432.424
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	139.837.442.378	136.505.503.253
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	36.748.694.515	(9.762.692.253)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	770.504.532	(21.913.771.039)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	74.682.957.302	13.936.014.356
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(19.372.247.103)	(32.001.870.300)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(17.373.051.838)	(8.408.585.069)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(23.256.389.277)	(24.035.611.845)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	62.869.126	691.022.560
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.562.745.977)	(12.544.117.892)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	186.538.033.658	42.465.891.771
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(67.656.793.604)	(241.886.837.215)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.146.384.009
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(89.900.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24.900.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.000.000.000)	(32.912.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	33.050.000.000	22.312.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.623.177.465	17.307.097.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(88.983.616.139)	(234.033.855.955)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		35.151.056.338
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25.171.799.716		250.963.239.544
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(34.498.134.119)		(75.976.869.910)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(55.668.016.200)		(38.099.719.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64.994.350.603)		172.037.706.172
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		32.560.066.916		(19.530.258.012)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	47.117.067.182		66.678.496.086
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.781.526)		(31.170.892)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	79.671.352.572		47.117.067.182

Lập, ngày 18 tháng 2 năm 2013

Người lập biểu

Lê Việt Hải

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ cảng biển
- Ngành nghề kinh doanh chính** : Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa. Dịch vụ logistics. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa (trừ kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật). Dịch vụ cung cấp tàu biển. Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước./.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 289 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 là 306 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 6
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	4 - 5

7. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 60 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 05 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%

17. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 01/01/2012 : 20.828 VND/USD, 27.044 VND/EUR
31/12/2012 : 20.810 VND/USD, 27.362 VND/EUR

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	11.550.530	40.341.777
Tiền gửi ngân hàng	5.659.802.042	7.955.517.072
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	74.000.000.000	39.121.208.333
Cộng	<u>79.671.352.572</u>	<u>47.117.067.182</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về phí xếp dỡ Container	34.238.887.047	43.791.552.028
Về dịch vụ vận chuyển	3.464.646.900	13.742.802.317
Về dịch vụ depot	45.061.695.369	47.095.410.102
Về dịch vụ kê khai thuế Hải quan	3.231.298.381	1.924.850.099
Về dịch vụ forwarder	840.981.576	2.617.966.052
Về dịch vụ hàng chuyển cảng	1.517.099.800	1.135.231.930
Về các dịch vụ khác	4.318.243.819	1.615.206.821
Cộng	<u>92.672.852.892</u>	<u>111.923.019.349</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về sửa chữa, xây dựng cơ bản	638.910.000	638.910.000
Về mua sắm tài sản cố định	1.186.987.366	1.769.446.189
Về các dịch vụ khác	125.259.720	509.018.189
Cộng	<u>1.951.157.086</u>	<u>2.917.374.378</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	412.248.953	3.937.248.953
Phải thu Bảo hiểm xã hội quận 2 tiền chế độ	139.847.499	120.798.070
Phải thu tiền do sự cố Sà Lan		15.474.000
Thuế GTGT được khấu trừ nhưng chưa kê khai	6.241.100	2.479.227
Các khoản phải thu khác	3.850.000	57.324.693
Các khoản chi hộ	183.846.650	660.568.237
Cộng	<u>746.034.202</u>	<u>4.793.893.180</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng phải thu quá hạn trên 3 năm.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.800.000	7.800.000
Trích lập dự phòng bổ sung	45.687.915	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	<u>53.487.915</u>	<u>7.800.000</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.426.908.525	3.148.424.757
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.616.588.888	22.665.577.188
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ</i>		2.048.988.300
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động xây lắp</i>	20.616.588.888	20.616.588.888
Cộng	<u>25.043.497.413</u>	<u>25.814.001.945</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thiết bị, dụng cụ văn phòng chờ phân bổ	21.152.163	139.917.008
Chi phí sửa chữa cầu cảng, bến bãi	28.268.183	510.174.790
Phí bảo hiểm, kiểm định xe cơ giới		125.343.695
Chi phí sửa chữa phương tiện cơ giới	1.608.634.687	5.988.676.100
Chi phí thường niên hiệp hội hàng hóa thế giới	12.262.250	
Cộng	<u>1.670.317.283</u>	<u>6.764.111.593</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	818.878.625	1.224.312.137
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.000.000	1.769.126
Cộng	<u>829.878.625</u>	<u>1.226.081.263</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XEP DỜ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	38.964.931.340	394.617.677.359	24.907.065.499	1.861.254.740	120.684.046	460.471.612.984
Mua sắm mới	52.137.791	595.355.907		187.031.819		834.525.517
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		1.971.163.456	993.182.035	18.200.000		2.982.545.491
Phân loại lại			583.951.031	(583.951.031)		
Giảm theo giá trị quyết toán	(13.021.492)					
Số cuối năm	39.004.047.639	397.184.196.722	26.484.198.565	1.482.535.528	120.684.046	464.275.662.500
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		6.814.173.213	2.815.439.441	488.260.948	17.601.144	10.135.474.746
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.930.063.262	92.659.361.926	12.397.389.875	1.087.081.347	50.085.315	110.123.981.725
Khấu hao trong năm	7.439.086.670	47.037.460.276	3.645.768.422	323.846.289	23.916.783	58.470.078.440
Phân loại lại			412.517.471	(412.517.471)		
Số cuối năm	11.369.149.933	139.696.822.200	16.455.675.768	998.410.165	74.002.099	168.594.060.165
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	35.034.868.078	301.958.315.433	12.509.675.624	774.173.393	70.598.731	350.347.631.259
Số cuối năm	27.634.897.706	257.487.374.522	10.028.522.797	484.125.363	46.681.947	295.681.602.335

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 346.221.261.900 VND và 288.176.219.965 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội và Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý fast

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	58.611.816	10.257.068	48.354.748
Tăng trong năm		19.537.272	
Giảm trong năm			19.537.272
Số cuối năm	58.611.816	29.794.340	28.817.476

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	136.363.456	1.853.000.000	1.989.363.456		
XDCB dở dang	388.035.797	1.433.317.558	993.182.035	611.117.077	217.054.243
<i>Công trình Dự án 50 ha huyện Tân Thành</i>	<i>217.054.243</i>				<i>217.054.243</i>
<i>Công trình Bãi Depot 10 (đường ống bảo vệ cáp quang)</i>	<i>170.981.554</i>	<i>1.433.317.558</i>	<i>993.182.035</i>	<i>611.117.077</i>	
Cộng	524.399.253	3.286.317.558	2.982.545.491	611.117.077	217.054.243

(*) Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ.

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một ⁽ⁱ⁾	1.020.000	10.200.000.000	1.020.000	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai ⁽ⁱⁱ⁾			2.550.000	25.500.000.000
Cộng		10.200.000.000		35.700.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4103008479 ngày 19 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một 10.200.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư đủ 10.200.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3501472714 ngày 22 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai 25.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày 12 tháng 9 năm 2012 Công ty đã thanh lý toàn bộ số vốn đầu tư đã góp vào Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai cho Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn với số tiền là 28.050.000.000 VND. Từ ngày 12 tháng 9 năm 2012 Công ty không còn quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress ⁽ⁱ⁾	357.300	3.573.000.000	357.300	3.573.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱⁱ⁾	3.210.000	32.100.000.000	2.910.000	29.100.000.000
Cộng		35.673.000.000		32.673.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3501556139 ngày 10 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress 3.573.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư đủ 3.573.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151577 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành 54.000.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 3.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 32.100.000.000 VND, tương đương 21,1% vốn điều lệ (số đầu năm là 29.100.000.000 VND, tương đương 19,4% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành là 21.900.000.000 VND.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		14.666.980.000		14.666.980.000
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>949.760</i>	<i>14.666.980.000</i>	<i>949.760</i>	<i>14.666.980.000</i>
Đầu tư vào đơn vị khác		34.812.500.000		34.812.500.000
<i>Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái</i>	<i>1.125.000</i>	<i>11.812.500.000</i>	<i>1.125.000</i>	<i>11.812.500.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu</i>	<i>800.000</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>800.000</i>	<i>8.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng (*)</i>			<i>500.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng</i>	<i>1.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>1.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
Đầu tư hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾		4.700.000.000		4.700.000.000
Cộng		49.179.480.000		54.179.480.000

(*) Thanh lý khoản đầu tư cho Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	1.160.169.394	2.096.704.538
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội	2.794.980.000	4.409.572.000
Cộng	3.955.149.394	6.506.276.538

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.506.276.538	1.517.338.980
Trích lập dự phòng bổ sung		4.988.937.558
Hoàn nhập dự phòng	(2.551.127.144)	
Số cuối năm	<u>3.955.149.394</u>	<u>6.506.276.538</u>

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí xây dựng bãi Depot 9	34.217.006.192		8.251.852.728		25.965.153.464
Chi phí xây dựng bãi Depot 10 ⁽ⁱⁱ⁾	289.408.141	27.268.734.270	3.210.219.910		24.347.922.501
Chi phí xây dựng bãi rửa xe 125	1.322.200.209		318.313.392		1.003.886.817
Chi phí xây dựng bến gao ⁽ⁱⁱ⁾	6.163.504.393	14.592.835.475	2.283.140.372		18.473.199.496
Chi phí sửa chữa	2.635.854.546		910.473.252		1.725.381.294
Chi phí thuê phương tiện ⁽ⁱ⁾	2.088.184.674		364.598.471	1.723.586.203	
Chi phí thu xếp tín dụng của hợp đồng vay	1.861.170.665		333.344.004		1.527.826.661
Cộng	<u>48.577.328.820</u>	<u>41.861.569.745</u>	<u>15.671.942.129</u>	<u>1.723.586.203</u>	<u>73.043.370.233</u>

⁽ⁱ⁾ Giảm phí theo biên bản thỏa thuận trả lại tài sản đi thuê với Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.⁽ⁱⁱ⁾ Tài sản đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh.**18. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	<u>57.166.554.391</u>	<u>32.842.743.461</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	19.209.031.151	16.458.051.390
Ngân hàng Natixis – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	37.957.523.240	16.384.692.071
Cộng	<u>57.166.554.391</u>	<u>32.842.743.461</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	32.842.743.461	12.702.522.000
Số tiền vay phát sinh		21.900.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	57.063.554.392	32.449.266.870
Tăng khác (do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại)	17.808.000	575.464.896
Số tiền vay đã trả	(32.724.719.390)	(34.697.487.000)
Giảm khác (do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại)	(32.832.072)	(87.023.305)
Số cuối năm	<u>57.166.554.391</u>	<u>32.842.743.461</u>

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về chi phí bốc xếp	31.474.892.536	20.229.012.761
Về chi phí nguyên vật liệu	2.997.448.950	1.378.732.850
Về sửa chữa phương tiện, xây dựng cơ bản	6.785.005.358	11.050.147.552
Về mua sắm máy móc thiết bị	3.343.898.143	10.800.992.316
Phải trả người bán khác	26.283.159.712	14.295.025.825
Cộng	<u>70.884.404.699</u>	<u>57.753.911.304</u>

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về dịch vụ tại depot 07		310.728.354
Về dịch vụ bến đóng gao	251.240.000	79.200.000
Về phí dịch vụ forwarder	6.225.000	10.651.588
Về phí dịch vụ ngoài khác		329.440
Cộng	<u>257.465.000</u>	<u>400.909.382</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		3.804.663.390	3.804.663.390	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.050.774.777	19.247.328.794	23.256.389.277	16.041.714.294
Thuế thu nhập cá nhân	823.254.838	4.639.727.585	5.191.858.898	271.123.525
Thuế nhà thầu		10.400.798	10.400.798	
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
Cộng	<u>20.874.029.615</u>	<u>27.705.120.567</u>	<u>32.266.312.363</u>	<u>16.312.837.819</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.228.401.557	98.108.875.643
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.261.544.381)	(5.905.776.535)
<i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i>	694.546.355	1.203.273.215
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay</i>	(31.170.892)	2.434.785.798
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền gửi Ngân hàng</i>	5.891.782	31.170.892
<i>Chênh lệch giữa giá trị góp vốn và giá trị còn lại của tài sản đem góp vốn phân bổ cho năm 2011 và năm 2012</i>	1.633.828.374	1.633.828.368
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(4.564.640.000)	(11.208.834.808)
Thu nhập chịu thuế	76.966.857.176	92.203.099.108
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	19.241.714.294	23.050.774.777
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	5.614.500	854.774.485
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.247.328.794	23.905.549.262

Thuế nhà thầu

Công ty kê khai và nộp theo qui định thay cho nhà cung cấp nước ngoài cung cấp dịch vụ tại Việt Nam..

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	463.978.232	346.254.212
Bảo hiểm y tế	118.368.929	85.077.350
Bảo hiểm thất nghiệp	21.147.134	1.368.742
Kinh phí công đoàn	1.019.804.302	1.627.852.382
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	20.380.106.800	650.108.200
Công ty Cổ phần Thủy sản Đại Thành (bảo hành)	520.717.969	520.717.969
Phải trả tiền đền bù thiệt hại của Sà Lan	191.821.694	207.295.694
Phải trả phải nộp khác	832.002.829	904.007.270
Cộng	23.547.947.889	4.342.681.819

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tăng do			Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	3.045.945.300	3.019.476.493	44.500.000	2.875.815.500	3.234.106.293
Quỹ phúc lợi	1.797.304.805	3.019.476.493		2.159.330.477	2.657.450.821
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		500.000.000		500.000.000	
Cộng	4.843.250.105	6.038.952.986	44.500.000	5.035.145.977	5.891.557.114

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>171.235.649.538</i>	<i>204.991.629.661</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	40.166.994.155	42.412.016.035
Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	131.068.655.383	162.579.613.626
Cộng	171.235.649.538	204.991.629.661

⁽ⁱ⁾ Là các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 103.09/APU/TDH.97/180918.02, để xây dựng bến sà lan tại Cảng Tân Cảng - Cái Mép, thời hạn vay 05 năm, tài sản đảm bảo bằng 03 chiếc xe nâng QC 23, 24, 25-40 có giá trị được xác định là 15.500.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản số 52.09/APU/ĐS.06/180918.02.
- Hợp đồng tín dụng số 134.09/APU/TDH.110/180918.05 ngày 12 tháng 11 năm 2009 để xây dựng bãi chứa container rộng số 2 và thanh toán mua 02 khung chụp bán tự động Stinis, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 82.09/APU/ĐS/180918.03 ngày 12 tháng 11 năm 2009.
- Hợp đồng tín dụng số 166.09/APU/TDH.134/180918.06 ngày 18 tháng 12 năm 2009 để xây dựng bãi chứa container rộng 8.000 m² và thanh toán mua phụ tùng cầu Liebherr, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 93.09/APU/ĐS/180918.04 ngày 18 tháng 12 năm 2009.
- Hợp đồng tín dụng số 269.10/APU/TDH.195/180918.01 ngày 07 tháng 09 năm 2010 để thanh toán cho dự án bến đóng gạo, thời hạn vay là 04 năm, tài sản đảm bảo là bến đóng gạo hình thành từ vốn vay và băng tải cầu tàu, băng tải ngan, romooc có giá trị 1.750.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản số 156.10/APU/101.TCBĐS/180918.02 và hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 155.10/APU/ĐS.35/180918.01 ngày 07 tháng 09 năm 2010.
- Hợp đồng tín dụng số 273.10/APU/TDH.198/180918.02 ngày 29 tháng 09 năm 2010 để thanh toán mua xe nâng rộng cũ, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 160.10/APU/ĐS.36/180918.03 ngày 29 tháng 09 năm 2010.
- Hợp đồng tín dụng số 292.10/APU/TDH.210/180918.03 ngày 18 tháng 01 năm 2011 để thanh toán mua xe nâng mới, thời hạn vay 05 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 171.10/APU/ĐS.41/180918.04 ngày 18 tháng 01 năm 2011.
- Hợp đồng tín dụng số 81.11/APU/TDH.51/180918.03 ngày 06 tháng 07 năm 2011 để nâng cấp Depot 09 có diện tích 3,5ha thành bãi chứa hàng IMO với tài sản đảm bảo là quyền khai thác trên lô đất 3,5ha Depot 09.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 80.11/APU/TDH.50/180918.02 ngày 06 tháng 07 năm 2011 để xây dựng mới bãi chứa container rỗng Depot 10 với tài sản đảm bảo là quyền khai thác lô đất Depot 10 theo hợp đồng thuê số 235/HĐ-GNVT tháng 03 năm 2011 giữa Công ty CP Giao nhận Vận Tải Xếp dỡ Tân Cảng với Tổng Công ty Tân Cảng Bến thành ngày 01 tháng 03 năm 2011 theo hợp đồng thế chấp số 56.11/APU/23.TCBĐS/180918.02 ngày 06 tháng 07 năm 2011.
- (ii) Là khoản vay ngoại tệ 2.166.660 USD của Ngân hàng Natixis để mua 2 cầu RTG 6+1 theo hợp đồng vay ngày 28 tháng 06 năm 2010, thời hạn vay là 06 năm, tài sản đảm bảo 01 Cầu khung bánh lốp giá trị được xác định là 2.048.000 EUR theo hợp đồng thế chấp số MA-TCL-2010-07 ngày 28 tháng 06 năm 2010. Và khoản vay ngoại tệ 6.642.492,351 USD của Ngân hàng Natixis để mua 02 cầu Granty Cranes theo hợp đồng vay ngày 18 tháng 08 năm 2011, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số MA-TCL-2011-01 ngày 18 tháng 08 năm 2011.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	57.166.554.391	32.842.743.461
Trên 1 năm đến 5 năm	171.235.649.538	204.991.629.661
Trên 5 năm		
Tổng nợ	228.402.203.929	237.834.373.122

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	204.991.629.661	48.381.571.760
Số tiền vay phát sinh	25.171.799.716	229.063.239.544
Tăng khác (đánh giá chênh lệch tỷ giá)	35.616.000	2.014.127.136
Số tiền vay đã trả	(1.773.414.729)	(41.279.382.910)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(57.063.554.392)	(32.449.266.870)
Giảm khác (đánh giá chênh lệch tỷ giá)	(126.426.718)	(738.658.999)
Số cuối năm	171.235.649.538	204.991.629.661

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Là khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản chênh lệch giữa giá trị vốn góp và giá trị còn lại của tài sản đem đi góp vốn, được phân bổ vào thu nhập tính thuế trong 03 năm, theo thời gian khấu hao tài sản tại Công ty nhận vốn góp là Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	408.457.093	816.914.187
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(408.457.094)	(408.457.094)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu		
Số cuối năm		408.457.093

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	911.284.561	664.446.466
Số trích lập bổ sung		281.292.995
Số đã chi	(119.344.316)	(34.454.900)
Giảm khác (hoàn nhập quỹ theo quy định)	(791.940.245)	
Số cuối năm	<u>911.284.561</u>	<u>911.284.561</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÀI LỖ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DƯ TÂN CẢNGĐịa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**27. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

					Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	thuế chưa phân phối		
Số đầu năm trước	186.999.050.000	8.000.950.000	20.123.257.563	13.586.679.136	98.450.287.773	327.160.224.472	
Tăng vốn chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu trong năm trước	22.439.880.000	12.711.176.338				35.151.056.338	
Lợi nhuận trong năm trước					74.611.783.475	74.611.783.475	
Trích lập các quỹ trong năm trước			7.461.178.348	3.730.589.174	(18.952.945.870)	(7.761.178.348)	
Chia cổ tức năm trước					(37.399.810.000)	(37.399.810.000)	
Số dư cuối năm trước	209.438.930.000	20.712.126.338	27.584.435.911	17.317.268.310	116.709.315.378	391.762.075.937	
Số dư đầu năm nay	209.438.930.000	20.712.126.338	27.584.435.911	17.317.268.310	116.709.315.378	391.762.075.937	
Cổ đông góp vốn							
Lợi nhuận trong năm nay					60.389.529.856	60.389.529.856	
Trích lập các quỹ trong năm nay			6.038.952.986	3.019.476.493	(15.097.382.465)	(6.038.952.986)	
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành					(500.000.000)	(500.000.000)	
Chia cổ tức năm 2011					(37.699.007.400)	(37.699.007.400)	
Tạm ứng cổ tức năm 2012					(37.699.007.400)	(37.699.007.400)	
Số dư cuối năm nay	209.438.930.000	20.712.126.338	33.623.388.897	20.336.744.803	86.103.447.969	370.214.638.007	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	37.699.007.400	37.399.810.000
Tạm ứng cổ tức	37.699.007.400	
Cộng	<u>75.398.014.800</u>	<u>37.399.810.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	20.943.893	20.943.893
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	20.943.893	20.943.893
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.943.893	20.943.893

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xếp dỡ container tại bãi	175.346.008.800	198.218.814.556
Doanh thu bốc xếp tại bến Sà lan	24.914.277.684	24.444.803.066
Doanh thu xếp dỡ tại cầu tàu	46.958.341.000	
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	15.290.407.500	60.066.952.694
Doanh thu dịch vụ giao nhận vận tải	126.758.000	3.216.057.000
Doanh thu dịch vụ depot	223.694.287.633	158.030.164.315
Doanh thu dịch vụ đóng rút hàng	33.354.283.395	8.574.069.855
Doanh thu dịch vụ logistics	36.763.240.029	31.871.435.425
Doanh thu dịch vụ khác	14.615.162.075	17.970.008.359
Cộng	571.062.766.116	502.392.305.270

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ đã cung cấp như sau:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	35.074.327.537	36.360.356.544
Chi nhân công trực tiếp	52.716.524.327	52.209.453.478
Chi phí sản xuất chung	374.598.570.537	292.031.507.495
Tổng chi phí sản xuất	462.389.422.401	380.601.317.517
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.048.988.300	(1.985.368.011)
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	464.438.410.701	378.615.949.506

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.533.537.465	1.558.503.845
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.564.640.000	11.208.834.808
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	165.288.504	6.023.438.352
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	100.010.035	
Lãi thanh lý công ty con	2.550.000.000	
Cộng	12.913.476.004	18.790.777.005

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.373.051.838	7.909.432.424
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.557.159	3.498.748.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		1.033.237.202
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(2.551.127.144)	4.988.937.558
Cộng	14.905.481.853	17.430.355.913

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		12.050.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.766.722.871	711.088.784
Chi phí bằng tiền khác	584.282.590	966.215.119
Cộng	<u>2.351.005.461</u>	<u>1.689.353.903</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.752.889.423	12.846.155.900
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	733.747.887	622.696.624
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.626.257.060	1.831.858.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	680.110.402	615.294.967
Chi phí thuế, phí và lệ phí	211.908.828	891.665.206
Chi phí dự phòng	46.043.555	281.292.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.276.022.124	6.238.608.509
Chi phí bằng tiền khác	2.175.292.322	2.886.925.776
Cộng	<u>24.502.271.601</u>	<u>26.214.498.009</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		1.146.384.009
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	19.280.405	277.450.064
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	791.940.245	
Thu tiền từ đền bù chi phí của Kocks Krane GMBH	160.186.364	273.298.541
Thu tiền bán cơm dừa		465.184.350
Thu phạt tiêu hao nhiên liệu vượt quá định mức	99.774.341	
Các khoản nợ không xác định được chủ	310.728.354	
Thu tiền bán hồ sơ thầu	13.181.817	
Các khoản thu nhập khác	88.601.638	57.025.909
Cộng	<u>1.483.693.164</u>	<u>2.219.342.873</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		1.035.544.618
Thưởng phương tiện về định mức nhiên liệu	25.469.776	18.816.266
Thuế bị phạt, bị truy thu	8.823.784	23.143.500
Các khoản chi phí khác	70.551	265.887.790
Cộng	<u>34.364.111</u>	<u>1.343.392.174</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày tại Báo cáo tài chính này do đây là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Chỉ tiêu trên được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.180.639.137	36.995.103.168
Chi phí nhân công	64.469.413.750	65.055.609.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.489.615.712	37.332.941.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.249.187.745	262.263.558.353
Chi phí khác	41.853.843.119	6.857.957.128
Cộng	<u>489.242.699.463</u>	<u>408.505.169.429</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.319.700.517	2.705.246.067
Phụ cấp	153.900.000	200.400.000
Tiền thưởng	1.719.792.279	1.328.044.690
Cộng	<u>4.193.392.796</u>	<u>4.233.690.757</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	458.612.519.315	410.920.702.517
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	19.290.468.947	8.814.278.463
Thuê văn phòng của Công ty mẹ	341.454.545	341.161.364
Thuê phương tiện của Công ty mẹ trong thời gian 05 năm	(1.723.586.203)	6.311.025.090
Mẹ cung cấp nguyên vật liệu, điện, nước	3.928.537.162	2.507.288.440
Cung ứng nhiên liệu, vật tư cho mẹ	241.117.091	2.354.341.064
Thanh toán cổ tức cho Công ty mẹ	19.226.493.774	19.074.000.000
Thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai cho Công ty mẹ	28.050.000.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	3.946.185.281	681.860.060
Bán tài sản cố định cho Công ty con		1.132.747.645
Mua hàng hóa và dịch vụ của Công ty con	36.432.827.999	60.955.343.344
Công ty con thanh toán tiền cổ tức	2.040.000.000	
Vay vốn lưu động của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một		4.000.000.000
Trả gốc tiền vay vốn lưu động Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một		4.000.000.000
Trả lãi tiền vay vốn lưu động Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một		71.555.556
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai		
Cung cấp dịch vụ	3.706.735.412	11.244.334.088
Công ty con cung cấp nguyên liệu, dịch vụ vận chuyển	5.655.135.558	6.990.709.773
Cổ tức được nhận trong năm		4.590.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		
Cung cấp vật liệu, dịch vụ cho Công ty con	3.319.563.715	
Công ty con cung cấp nguyên liệu, dịch vụ vận chuyển	3.907.807.505	
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
Cung cấp dịch vụ	23.627.273	75.174.546
Phải trả phí dịch vụ	475.000	
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		11.069.091
Phải trả về xây dựng đường, bãi	699.476.520	5.025.245.599
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	6.818.182	38.929.072
Tiền vật tư, dịch vụ sửa chữa Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng đã cung cấp	22.647.316.386	24.498.488.217

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép		
Dịch vụ cung cấp cho Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	528.477.454	2.241.779.455
Phải trả phí dịch vụ	161.903.226	
Vay vốn lưu động của Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép		10.000.000.000
Trả gốc tiền vay vốn lưu động Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép		10.000.000.000
Trả lãi tiền vay vốn lưu động Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép		239.555.556
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	8.052.011.363	12.544.699.292
Vay vốn lưu động của Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng		4.900.000.000
Trả gốc tiền vay vốn lưu động Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng		4.900.000.000
Trả lãi tiền vay vốn lưu động Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng		118.144.444
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng thanh toán tiền cổ tức	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng cho Công ty thuê văn phòng	120.000.001	130.909.091
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng cung cấp dịch vụ	158.442.272	55.199.046
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Phải trả phí dịch vụ	519.715.000	173.800.000
Mua tài sản cố định	17.245.000	
Đầu tư mở rộng hệ thống không dây Depot 10	927.814.481	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình		
Phải thu phí dịch vụ	73.954.545	67.908.455
Phải trả phí dịch vụ	48.909.090	38.363.636
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước		
Phải trả phí dịch vụ	3.052.611.500	3.256.622.500
Công ty Cổ phần Tân cảng Cypress		
Cung cấp dịch vụ khai thuê Hải quan		392.481.815
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành		
Góp vốn vào Công ty liên kết	3.000.000.000	28.600.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành	14.922.417.498	9.274.602
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành cung cấp dịch vụ	64.652.299.755	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phải thu về cung cấp dịch vụ	81.481.926.864	102.740.992.415
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai		
Phải thu về cung cấp vật tư, dịch vụ		990.571.293
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		
Phải thu về cung cấp dịch vụ	1.956.333.849	
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
Phải thu phí dịch vụ	6.210.000	2.185.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Phải thu về dịch vụ đã cung cấp		2.460.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ		588.606.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	740.986.400	1.499.435.025
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình		
Phải thu phí dịch vụ	81.350.000	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Ứng trước dịch vụ lắp đặt hệ thống mạng		210.762.311
Công ty CP Tân cảng Cypress		
Cung cấp dịch vụ khai thuê Hải quan		10.640.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	1.615.235.695	
Cộng nợ phải thu	<u>85.882.042.808</u>	<u>106.045.652.044</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	10.290.567.630	27.271.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một		
Phải trả về cung cấp vật tư, hàng hóa và dịch vụ	5.902.407.479	16.072.299.922
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		
Phải trả về cung cấp vật tư, dịch vụ	3.756.581.260	
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
Phải trả về dịch vụ xếp dỡ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Phải trả về cung cấp vật tư, dịch vụ sửa chữa	5.788.243.011	5.754.715.223
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Phải trả về hoạt động xây lắp đã cung cấp	769.424.172	1.689.770.159
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
Phải trả về dịch vụ bốc xếp vận chuyển	88.396.050	187.468.950

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình</i>		
Phải trả phí dịch vụ		42.200.000
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước</i>		
Phải trả về dịch vụ bốc xếp vận chuyển	908.449.850	676.627.050
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành</i>		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	22.415.365.512	6.587.478.529
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i>		
Phải trả mua sắm thiết bị	178.299.046	101.600.000
Cộng nợ phải trả	<u>50.097.734.010</u>	<u>31.139.431.333</u>

2. Chi phí lãi vay vốn hoá

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá trong năm		259.152.645
Chi phí lãi vay hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm		7.909.432.424
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá		<u>8.168.585.069</u>

Tỷ lệ vốn hóa 3,17%

3. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực dịch vụ vận tải xếp dỡ.
- Lĩnh vực dịch vụ Depot.
- Lĩnh vực các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Dịch vụ vận tải, xếp dỡ</u>	<u>Dịch vụ Depot</u>	<u>Dịch vụ khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	262.635.792.984	223.694.287.633	84.732.685.499	571.062.766.116
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>262.635.792.984</u>	<u>223.694.287.633</u>	<u>84.732.685.499</u>	<u>571.062.766.116</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>49.037.292.917</u>	<u>41.766.440.826</u>	<u>15.820.621.672</u>	106.624.355.415
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(26.853.277.062)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				<u>79.771.078.353</u>
Doanh thu hoạt động tài chính				12.913.476.004
Chi phí tài chính				(14.905.481.853)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Dịch vụ vận tải, xếp dỡ	Dịch vụ Depot	Dịch vụ khác	Cộng
Thu nhập khác				1.483.693.164
Chi phí khác				(34.364.111)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(19.247.328.794)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				408.457.093
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				60.389.529.856
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.566.519.363	28.314.054.096	14.798.067.294	45.678.640.753
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	51.116.833.002	17.766.639.351	5.278.085.488	74.161.557.841
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	285.946.627.316	158.030.164.315	58.415.513.639	502.392.305.270
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	285.946.627.316	158.030.164.315	58.415.513.639	502.392.305.270
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.449.788.145	38.934.509.216	14.392.058.402	123.776.355.764
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(27.903.851.912)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				95.872.503.852
Doanh thu hoạt động tài chính				18.790.777.005
Chi phí tài chính				(17.430.355.913)
Thu nhập khác				2.219.342.873
Chi phí khác				(1.343.392.174)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(23.905.549.262)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				408.457.094
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				74.611.783.475
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	268.470.188.014	58.124.283.238	1.392.195.016	327.986.666.268
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	23.666.865.165	19.110.411.150	4.689.252.459	47.466.528.774

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dịch vụ vận tải, xếp dỡ	Dịch vụ Depot	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	307.867.758.310	117.679.768.325	30.503.385.054	456.050.911.689
Tài sản phân bổ cho bộ phận	5.865.071.952	4.990.130.930	1.890.201.127	12.745.404.009
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				260.812.180.591
Tổng tài sản				729.608.496.289
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	200.501.071.159	59.376.025.306	13.395.519.498	273.272.615.963
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	18.551.750.581	15.823.426.646	5.993.722.270	40.368.899.497
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				45.752.342.822
Tổng nợ phải trả				359.393.858.282
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	373.636.710.034	109.875.375.618	29.807.865.890	513.319.951.542
Tài sản phân bổ cho bộ phận	22.997.425.355	7.024.523.937	3.574.320.511	33.596.269.803
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				186.379.835.764
Tổng tài sản				733.296.057.109
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	200.572.051.308	42.172.929.555		242.744.980.863
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	36.446.897.825	11.132.642.121	5.664.672.999	53.244.212.945
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				45.544.787.364
Tổng nợ phải trả				341.533.981.172

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại Cảng Cát Lái và thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, phải thu khách hàng của Công ty liên quan chủ yếu đến Công ty mẹ là Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chiếm 88% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chiếm 91%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.671.352.572	47.117.067.182
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.000.000.000	
Phải thu khách hàng	92.619.364.977	111.915.219.349
Các khoản phải thu khác	746.034.202	4.793.893.180
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	46.384.500.000	49.769.908.000
Cộng	<u>284.421.251.751</u>	<u>213.596.087.711</u>

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.671.352.572				79.671.352.572
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.000.000.000				65.000.000.000
Phải thu khách hàng	92.619.364.977			53.487.915	92.672.852.892
Các khoản phải thu khác	746.034.202				746.034.202
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34.512.500.000			14.666.980.000	49.179.480.000
Cộng	<u>272.549.251.751</u>			<u>14.720.467.915</u>	<u>287.269.719.666</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản trương đương tiền	47.117.067.182				47.117.067.182
Phải thu khách hàng	111.915.219.349			7.800.000	111.923.019.349
Các khoản phải thu khác	4.793.893.180				4.793.893.180
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	39.512.500.000			14.666.980.000	54.179.480.000
Cộng	203.338.679.711			14.674.780.000	218.013.459.711

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	57.166.554.391	171.235.649.538		228.402.203.929
Phải trả người bán	70.884.404.699			70.884.404.699
Các khoản phải trả khác	36.022.091.124			36.022.091.124
Cộng	164.073.050.214	171.235.649.538		335.308.699.752
Số đầu năm				
Vay và nợ	32.842.743.461	204.991.629.661		237.834.373.122
Phải trả người bán	57.753.911.304			57.753.911.304
Các khoản phải trả khác	17.358.497.865			17.358.497.865
Cộng	107.955.152.630	204.991.629.661		312.946.782.291

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty/Doanh nghiệp có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu máy móc thiết bị, tài sản cố định cho hoạt động kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.928,81	71,27	160.264,65	273,34
Phải thu khách hàng	1.864,46		2.229,03	
Phải trả người bán	1.336,85	176,13	90.236,45	1.218,8
Vay và nợ	8.122.353,61	168.000,00	8.592.486,35	220.000,00
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	8.220.483,73	168.247,40	8.845.216,48	221.492,14

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.451.033.059 VND (năm trước giảm/tăng 3.567.515.597 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do gốc vay có lãi suất thả nổi giảm xuống và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty cũng có khoản tiền gửi có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp tài sản cố định, giá trị và quyền khai thác bãi Depot để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.10 và V.24). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	27.078.669.188	34.422.770.747
Máy móc thiết bị	239.722.788.162	237.868.882.283
Phương tiện vận tải	844.075.747	1.162.938.646
Chi phí trả trước dài hạn	49.570.400.324	29.393.660.940
Cộng	317.215.933.421	302.848.252.616

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2012.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.671.352.572		47.117.067.182		79.671.352.572	47.117.067.182
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.000.000.000				65.000.000.000	
Phải thu khách hàng	92.672.852.892	(53.487.915)	111.923.019.349	(7.800.000)	92.619.364.977	111.915.219.349
Các khoản phải thu khác	746.034.202		4.793.893.180		746.034.202	4.793.893.180
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	49.179.480.000	(2.794.980.000)	54.179.480.000	(4.409.572.000)	46.384.500.000	49.769.908.000
Cộng	287.269.719.666	(2.848.467.915)	218.013.459.711	(4.417.372.000)	284.421.251.751	213.596.087.711

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	228.402.203.929	237.834.373.122	228.402.203.929
Phải trả người bán	70.884.404.699	57.753.911.304	70.884.404.699	57.753.911.304
Các khoản phải trả khác	36.022.091.124	17.358.497.865	36.022.091.124	17.358.497.865
Cộng	335.308.699.752	312.946.782.291	335.308.699.752	312.946.782.291

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Việt Hải

Phạm Thị Hồng Thắm

Nguyễn Văn Uẩn